**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI VĂN 10 HKII 1920**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3.0** |
|  | **1** | Phương thức biểu đạt: Nghị luận | 0.5 |
| **2** | Nội dung đoạn trích:  -Việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của mỗi người. *0,25*  -Kêu gọi mọi người sử dụng thời gian nhàn rỗi hợp lý để phát triển bản thân. *0,25* | 0.5 |
| **3** | Xác định **một** biện pháp tu từ. Có thể là:  - Biện pháp tu từ: Liệt kê  *Có người làm việc “ đầu tắt mặt tối ” không có lấy chút nhàn rỗi. Có người phung phí thời gian ấy vào cuộc nhậu nhẹt triền miên. Có người biết dùng thời gian ấy để phát triển chính mình.*  Tác dụng: Về nội dung: Nhằm nhấn mạnh việc sử dụng thời gian nhàn rỗi khác nhau của mỗi con người. Về hình thức: làm cho sự việc đa dạng, phong phú.  - Hoặc: Biện pháp tu từ: Điệp ngữ “ *Có người*”  Tác dụng: Về nội dung: Nhằm nhấn mạnh việc sử dụng thời gian nhàn rỗi khác nhau của mỗi con người. Về hình thức: Tăng nhịp điệu, tạo tính nhạc trong đoạn văn, làm đoạn văn sinh động, hấp dẫn… | 0.5  0.5 |
| **4** | Tác giả khẳng định: “*Thời gian nhàn rỗi chính là thời gian của văn hóa và phát triển.*”, anh / chị có đồng tình với quan điểm này không? Vì sao? (1,0 **)**   * HS có thể đồng tình hoặc không đồng tình. * Lí giải hợp lí | 0.25  0.75 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7.0** |
|  | **1** | **Hãy viết một đoạn văn nghị luận ( *khoảng 15-20 dòng*),** trình bày suy nghĩ của em về cách sử dụng thời gian nhàn rỗi hữu ích nhất hiện nay. | **2.0** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*  Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Giới thiệu được vấn đề nghị luận: suy nghĩ của em về cách sử dụng thời gian nhàn rỗi hữu ích nhất hiện nay. | 0.25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận*  Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ được vấn đề nghị luận: Biết dùng thời gian nhàn rỗi hợp lý là một cách để phát triển bản thân. Cần đáp ứng các ý sau theo trình tự lập luận sau:  -Giải thích: Thời gian nhàn rỗi là lúc con người dành riêng cho bản thân những phút giây sảng khoái, tận hưởng cuộc sống.  - Biết sử dụng thời gian nhàn rỗi hợp lý giúp con người không lãng phí thời gian một cách vô ích.  - Một số cách sử dụng thời gian nhàn rỗi hữu ích: Đọc sách, học kỹ năng sống, học các môn năng khiếu mà mình yêu thích, tham gia câu lạc bộ, chơi thể thao, đi du lịch để khám phá vùng đất mới…( Có chú ý nêu dẫn chứng ngắn gọn)  - Phê phán một số lối sống nhàn rỗi vô ích: ăn chơi, nhậu nhẹt, tán gẫu…  - Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề nghị luận – Liên hệ bản thân. | 1.0 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.25 |
|  | **2** | *“… Cậy em, em có chịu lời,*  *…………………………………………*  *Ngậm cười chin suối hãy còn thơm lây.”*  ( Trích “ *Trao duyên*”, Truyện Kiều -Nguyễn Du – Ngữ văn 10,  Tập 2, trang 105)  Em hãy phân tích đoạn thơ trên, từ đó làm rõ sự lựa chọn ngôn ngữ độc đáo của Nguyễn Du. | **5.0** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  *Mở bài* nêu được vấn đề, *Thân bài* triển khai được vấn đề, *Kết bài* khái quát được vấn đề. | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  - Kiều cậy nhờ Thúy Vân thay mình để kết duyên với Kim Trọng  - Sự lựa chọn ngôn ngữ độc đáo của Nguyễn Du. | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| *\* Giới thiệu tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều và tình huống dẫn đến sự việc trong đoạn trích“ Trao duyên”:*  - Gặp gia biến, Kiều buộc phải hy sinh mối tình đầu với chàng Kim Trọng, bán mình để cứu cha và em. Kiều cậy nhờ em là Thúy Vân thay mình để kết duyên với Kim Trọng .  - Tài năng sử dụng ngôn ngữ độc đáo của Nguyễn Du.  - Trích dẫn lại khổ thơ,có thể trích câu đầu…câu cuối. | 0.5 |
| **\*Hai câu thơ đầu : Lời nhờ cậy khéo léo, tế nhị của Thúy Kiều**  - Đây là lời nhờ cậy, tác giả đã đặt Thúy Kiều vào hoàn cảnh éo le để nàng tự bộc lộ tâm trạng, nhân cách của mình. Kiều buộc phải trao duyên, nàng làm như vậy là thực hiện một chuyện tế nhị, khó nói.  HS Phân tích rõ  từ “Cậy”,  từ “Chịu” để thấy được Thúy Kiều tin tưởng giao trọng trách cho Thúy Vân, hiểu hoàn cảnh của em, nàng ý thức được việc mình nói ra mang tính chất rất hệ trong, việc nàng nhờ cậy có thể làm em lỡ cả đời.  - Khung cảnh “Em” – “ngồi”, “chị” – “lạy”, “thưa” cho thấy sự đảo lộn ngôi vị của hai chị em trong gia đình, thể hiện sự biết ơn của Thúy Kiều đối với em, cho thấy việc nhờ cậy là cực kì quan trọng, thiêng liêng, nghiêm túc.  =>Thúy Kiều là người khéo léo, thông minh, tế nhị, kín đáo, coi trọng tình nghĩa. Tài năng lựa chọn ngôn ngữ độc đáo của Nguyễn Du.  **\* 6 câu tiếp: Lời giãi bày nỗi lòng của Thúy Kiều**  - Thúy Kiều nói về hoàn cảnh éo le của mình :  + Kiều nói vắn tắt về mối tình đẹp nhưng dang dở với Kim Trọng  + Nàng nhắc đến các biến cố đã xẩy ra khiến Kiều không thể tiếp tục cuộc tình của mình.  - Kiều xin em hãy “chắp mối tơ thừa” để trả nghĩa cho chàng Kim.  ->Thúy Kiều là người khéo léo, tinh tế, sâu sắc, vừa hiểu mình, hiểu người.  - Cách sử dụng ngôn từ bình dân “đứt gánh tương tư” với ngôn ngữ trang trọng , điển cố “keo loan”, cách dung từ ngữ chính xác, chọn lọc, phép điệp, đối và các hình ảnh tượng trưng…  **\*Bốn câu: Lời thuyết phục.**  – Thúy Kiều thuyết phục em nhờ vào những lí do :  + Tuổi xuân của em  + Tình máu mủ chị em  + Dù đến chết Kiều vẫn ghi ơn em, biết ơn sự hi sinh của em.  => Đó là những lời nói, lí lẽ khéo léo, tinh tế làm tăng tính thuyết phục của lời nói, tạo tính chất lời nói thiết tha, kín kẽ, tế nhị.  **\* Nghệ thuật**  + Miêu tả tinh tế nội tâm nhân vật  + Ngôn từ chọn lọc, tinh tế,  + Sử dụng nhiều biện pháp tu từ, thành ngữ, điển cố…  **3. Kết bài:** khẳng định lại nội dung, nghệ thuật và tài năng của tác giả | 1,0  0, 5  0, 5  0,5  0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0.25 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |
|  |  | **\* Biểu điểm:**  **-** Điểm **4-5:** Phân tích tốt, đủ ý. Diễn đạt trong sáng, bố cục mạch lạc, cảm xúc chân thành; có thể sai một vài lỗi chính tả, dùng từ.  - Điểm **3-4**: Căn bản đáp ứng được những yêu cầu trên. Bố cục rõ ràng, diễn đạt trôi chảy; có thể sai một vài lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  - Điểm **1-2**: Hiểu đề sơ lược, chỉ kể (2, 0 điểm); bài viết lan man, bố cục không rõ ràng; sai nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp (1, 0 điểm).  **-** Điểm **00**: Lạc đề hoặc bỏ giấy trắng. |  |